

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA XÂY DỰNG

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 3, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Quản lý tài chính doanh nghiệp xây dựng		
Mã học phần:	71CEMN40092	Số tin chỉ:	02
Mã nhóm lớp học phần:	233_71CEMN40092_01		
Hình thức thi:	Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	75 phút
Thí sinh được tham khảo tài liệu:	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

Giảng viên nộp đề thi, đáp án bao gồm cả **Lần 1 và Lần 2 trước ngày 05/07/2024.**

Cách thức nộp bài phần tự luận (Giảng viên ghi rõ yêu cầu):

Gợi ý:

- SV gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi;
- Upload file bài làm (word, excel, pdf...);

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:
 - + **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1
 - + **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1_Mã đề (**Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi**).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (**nén lại và đặt mật khẩu file nén**) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhật Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Giải thích các báo cáo tài chính, thành phần nguồn vốn, các chỉ tiêu tài chính trong việc phân tích báo cáo tài chính và quản lý tài chính trong doanh nghiệp	Trắc nghiệm + Tự luận	53%	- Câu 5, 9, 10, 11, 13, 16: mỗi câu 0,25 điểm - Câu 6, 7, 8, 20: mỗi câu 0,35 điểm - Câu 21: 2,4 đ	5,3 đ	PLO4_R
CLO2	Áp dụng các kiến thức về doanh thu, chi phí, lợi nhuận, mức sinh lời, số tiền đầu tư trong quá trình ra quyết định đầu tư, huy động vốn tại doanh nghiệp ngành XD	Trắc nghiệm	31%	- Câu 3, 12, 17, 18: mỗi câu 0,25 điểm - Câu: 1, 2, 4, 14, 15, 19: mỗi câu 0,35 điểm	3,1 đ	PLO4_R
CLO3	Thực hiện thành thạo các tính toán để phân tích báo cáo tài chính và đánh giá việc ra quyết định đầu tư, huy động vốn và quản lý tài chính DN một cách hiệu quả.	Trắc nghiệm + Tự luận	16%	- Câu 3, 5, 9, 10, 11, 12, 13, 16, 17, 18: mỗi câu 0,1 điểm - Câu 21: 0,6 đ	1,6 đ	PLO9_R

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm

CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (20 câu hỏi + mỗi câu 0,35 điểm)

Câu 1. Mộtlà một dự án mà khi việc đưa ra quyết định loại bỏ hay chấp nhận dự án này sẽ không ảnh hưởng đến việc đưa ra quyết định chấp nhận hay loại bỏ bất kỳ một dự án nào khác:

- A. dự án đầu tư độc lập**
- B. dự án có khả năng được chấp nhận
- C. dự án loại trừ lẫn nhau
- D. dự án có hiệu quả kinh tế cao

ANSWER: A

Câu 2. Khi doanh nghiệp có NPV = 0 thì:

- A. IRR là lãi suất chiết khấu**
- B. IRR > lãi suất chiết khấu
- C. IRR < lãi suất chiết khấu
- D. Thời gian hoàn vốn bằng 0

ANSWER: A

Câu 3. Một người gửi tiết kiệm 200 triệu đồng trong thời hạn 5 năm với lãi suất 6%/năm theo phương thức tính lãi kép. Số tiền cuối năm thứ 5 người đó có thể nhận xấp xỉ là:

- A. 267,65 triệu đồng**
- B. 270,63 triệu đồng
- C. 268,67 triệu đồng
- D. 274,68 triệu đồng

ANSWER: A

Câu 4. Câu nào sau đây không phải là nguồn vốn dài hạn cho hoạt động kinh doanh

- A. Các khoản phải thu**
- B. Trái phiếu
- C. Lợi nhuận giữ lại
- D. Cổ phần ưu đãi

ANSWER: A

Câu 5. Cho biết hàng tồn kho = 2000, số ngày trong kỳ = 360 ngày, số ngày một vòng hàng tồn kho = 20 ngày. Giá vốn hàng bán bằng bao nhiêu?

- A. 36000**
- B. 28000

C. 40000

D. 38000

ANSWER: A

Câu 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cung cấp thông tin về.....:

A. biến động tài chính trong doanh nghiệp

B. kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ

C. chi tiết về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của doanh nghiệp

D. tình hình tài sản, nguồn vốn và nợ của doanh nghiệp trong một thời điểm nhất định

ANSWER: A

Câu 7. Thuyết minh báo cáo tài chính cung cấp những thông tin:

A. Chi tiết về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của doanh nghiệp

B. Kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ

C. Biến động tài chính trong doanh nghiệp

D. Tình hình tài sản, nguồn vốn và nợ của doanh nghiệp trong một thời điểm nhất định

ANSWER: A

Câu 8. Bảng cân đối kế toán:

A. Là báo cáo về tình hình Tài sản và Nguồn vốn của doanh nghiệp tại 1 thời điểm

B. Là báo cáo về tình hình Tài sản và Nguồn vốn của doanh nghiệp trong 1 chu kỳ

C. Cả 2 câu đều đúng

D. Cả 2 câu đều sai

ANSWER: A

Câu 9. Cho lợi nhuận trước thuế trong kỳ = 1000, vốn vay trong kỳ = 600, lãi suất vay = 10%/kỳ, hãy tính EBIT trong kỳ:

A. 1060

B. 1600

C. 1660

D. 1006

ANSWER: A

Câu 10. Cho tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn = 6000, hàng hóa tồn kho = 2000, nợ ngắn hạn = 5000, khả năng thanh toán nhanh bằng bao nhiêu?

A. 0,8

B. 0,78

C. 0,84

D. 1,08

ANSWER: A

Câu 11. Cho doanh thu thuần = 8000, lãi gộp = 2000, hàng tồn kho = 400, số vòng quay hàng tồn kho bằng bao nhiêu?

A. 20

B. 15

C. 25

D. 22

ANSWER: A

Câu 12. Công ty cổ phần A có lợi nhuận sau thuế 80.000, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, công ty tiến hành trích lập quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ là 5%, quỹ dự trữ bắt buộc là 5%, trích lập quỹ phúc lợi là 10% lợi nhuận sau thuế. Số lãi thực dành cho cổ đông phổ thông là bao nhiêu?

A. 64.000

B. 72.000

C. 76.000

D. 68.000

ANSWER: A

Câu 13. Cho: EBIT = 540; Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp $t=25\%$; Lãi vay $R=40$; Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp bằng bao nhiêu?

A. 375

B. 425

C. 405

D. 395

ANSWER: A

Câu 14. IRR là chỉ tiêu phản ánh:

A. Tỷ suất sinh lời nội bộ

B. Giá trị hiện tại thuần

C. Thời gian hoàn vốn

D. Vốn đầu tư năm thứ t

ANSWER: A

Câu 15. Các dự án có chỉ số sinh lời >1 và độc lập với nhau thì:

A. Chấp nhận tất cả các dự án

B. Loại bỏ tất cả các dự án

C. Chấp nhận dự án có suất sinh lời lớn nhất

D. Chấp nhận dự án có suất sinh lời nhỏ nhất

ANSWER: A

Câu 16. Cho EBIT = 150, khấu hao = 40, lãi vay = 30, cổ tức = 10, tính khả năng thanh toán lãi vay?

A. 5,0

B. 7,0

C. 6,5

D. 9,0

ANSWER: A

Câu 17. Một chủ doanh nghiệp đang cân nhắc việc thực hiện dự án A. Với số vốn đầu tư ban đầu là 100 triệu và dòng tiền thu về doanh nghiệp dự kiến trong các năm sau lần lượt là: 35 triệu, 35 triệu, 35 triệu, 10 triệu. Biết tỷ lệ chiết khấu của dự án này là 10%. Tính NPV.

A. 17.15

B. 12.56

C. 15.89

D. 16.68

ANSWER: A

Câu 18. Một chủ đầu tư vay ngân hàng 15 tỷ đồng với lãi suất 10%/năm trong thời hạn 10 năm, vốn và lãi trả 1 lần khi đáo hạn. Để tránh bị khó khăn trong việc trả nợ, chủ đầu tư đó đã định kỳ cuối mỗi năm gửi vào ngân hàng 1 khoản tiền nhằm mục đích khi đáo hạn rút ra sẽ đủ tiền để trả nợ vay. Hãy tính số tiền cần phải gửi ngân hàng mỗi năm? Biết rằng lãi suất tiền gửi ngân hàng là 8%/năm.

A. 2,68 tỷ

B. 2,72 tỷ

C. 2,56 tỷ

D. 2,85 tỷ

ANSWER: A

Câu 19. Trình tự huy động vốn được thực hiện theo trình tự:

(1) Tìm nguồn tài trợ. (2) Lựa chọn hình thức huy động (lựa chọn công cụ tài chính). (3) Xác định nhu cầu vốn cần huy động. (4). Tiến hành huy động

A. (3)-(1)-(2)-(4)

B. (3)-(2)-(4)-(1)

C. (2)-(1)-(3)-(4)

D. (1)-(2)-(3)-(4)

ANSWER: A

Câu 20. Nguồn vốn bên trong doanh nghiệp bao gồm, chọn đáp án sai:

A. Các khoản tiền trả trước của khách hàng

B. Nguồn vốn tự bổ sung và các quỹ của doanh nghiệp

C. Các khoản phải trả

D. Các khoản phải nộp

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (01 câu hỏi 3 điểm)**Câu hỏi 21: (3 điểm)**

Cho biết Công ty Cổ phần Thịnh Phát kinh doanh trong ngành xây dựng cơ bản có Bảng cân đối kế toán như sau (đơn vị tính: triệu đồng):

TÀI SẢN	2023	2022	NGUỒN VỐN	2023	2022
A.Tài sản ngắn hạn	13.000	11.000	A.Nợ phải trả	21.800	18.300
1.Tiền	1.600	1.200	1.Nợ ngắn hạn	3.100	2.300
2.Các khoản tương đương tiền	2.700	2.300	2.Nợ dài hạn	18.700	16.000
3.Các khoản phải thu ngắn hạn	3.900	4.800			
4.Hàng tồn kho	4.800	2.700	B.Vốn chủ sở hữu	43.100	42.500
B.Tài sản dài hạn	51.900	49.800	1.Vốn cổ phần	30.000	30.000
1.TSCĐ	47.000	46.000	2.Thặng dư vốn	5.200	5.700
2.Đầu tư dài hạn	4.900	3.800	3.Các quỹ	7.900	6.800
Tổng cộng tài sản:	64.900	60.800	Tổng cộng nguồn vốn	64.900	60.800

Yêu cầu: Đánh giá tình hình tài chính của công ty theo chỉ tiêu quản lý nợ và nhóm chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán, nêu nhận xét cho từng tiêu chí.

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án					Thang điểm
I. Trắc nghiệm						7,0
Câu 1 – 20	A					0,35
II. Tự luận						3,0
Nội dung a.	Chỉ tiêu	Cách tính	2023	2022	Chênh lệch	1,5
	1.Tỷ số nợ	Tổng nợ/ Tổng tài sản	= 21.800/64.900 = 0,34	= 18.300/60.800 = 0,3	+0,04	0,5
	2.Tỷ số thanh toán hiện thời	TSNH/ Nợ ngắn hạn	= 13.000/3.100 = 4,19	= 11.000/2.300 = 4,78	-0,59	0,5
	3.Tỷ số thanh toán nhanh	TSNH – (HTK & TSNH khác)/ Nợ ngắn hạn	= (13.000-4.800 -3900) / 3.100 = 1,38	= (11.000-2.700 - 4800) / 2.300 = 1,52	-0,14	0,5
Nội dung b.	Nhận xét:					1,5
	- Tỷ số nợ năm nay cao hơn năm trước 4%. Tuy nhiên tỷ số nợ cả hai thời điểm đều nhỏ hơn 1 chứng tỏ phần lớn tài sản của công ty được tài trợ bằng vốn chủ sở hữu. Công ty vẫn đang duy trì có khả năng thanh toán được bằng việc sử dụng các tài sản sẵn có của mình.					0,5
	- Hệ số khả năng thanh toán hiện thời năm nay giảm so với năm trước. Tuy nhiên cả hai thời điểm này hệ số thanh toán hiện thời vẫn lớn hơn 1. Điều này cho thấy tài sản ngắn hạn mà công ty hiện có đủ để thanh toán hết khoản nợ ngắn hạn.					0,5
- Hệ số thanh toán nhanh năm nay giảm so với năm trước. Tuy nhiên cả hai thời điểm này hệ số thanh toán nhanh vẫn lớn hơn 1. Điều này cho thấy doanh nghiệp thừa vốn bằng tiền không phải lo ngại về khả năng thanh toán nhanh nhưng thừa tiền lại có thể dẫn đến giảm hiệu quả sử dụng vốn.					0,5	
Điểm tổng					10,0	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 06 năm 2024
Giảng viên ra đề

Người duyệt đề

PGS.TS. Ngô Quang Trường

ThS. Phạm Thị Tình Thương